

UBND XÃ XUÂN HÒA
TRƯỜNG TH&THCS XUÂN HÒA
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

Tên trường : Trường TH&THCS Xuân Hòa

Tên trước đây :

Cơ quan chủ quản: UBND xã Xuân Hòa

Địa chỉ: Thôn Bản Lụ - xã Xuân Hòa - Tỉnh Lào Cai

Tỉnh	Lào Cai	Họ và tên Hiệu trưởng	Hán Văn Học
Xã	Xuân Hòa	Điện thoại	0858765396
Tỉnh	Lào cai	FAX	
Đạt chuẩn quốc gia	Mức độ 1	Gmail	http://thcsso2xuanhoa .pgdbaoyen.edu.vn/
Năm thành lập	2024	Số điểm trường	2
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường liên kết với nước ngoài			

2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

*** Tầm nhìn**

Đến năm 2026, "Là một trong những trường có chất lượng của huyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công. Giáo dục học sinh có nhân cách, có trí lực mạnh mẽ, có thể chất mạnh khỏe, có kỹ năng sống, có tư duy sáng tạo"

*** Sứ mệnh:**

Xây dựng trường có môi trường học tập năng động, hiện đại, phát huy tiềm năng, sở trường, tính sáng tạo và năng lực tư duy của mỗi học sinh.

*** Hệ thống giá trị của trường**

Tinh thần trách nhiệm	Lòng nhân ái
Tình đoàn kết	Sự hợp tác, sáng tạo
Tính trung thực	Khát vọng vươn lên

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường TH&THCS Xuân Hòa được thành lập ngày 01/9/2024 (*Căn cứ vào quyết định số: 1391/QĐ-UB ngày 05 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên (cũ) về việc thành lập Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Hòa*) trên cơ sở sáp nhập trường TH số 2 xã Xuân Hòa với trường THCS số 2 xã Xuân Hòa. Trường đóng trên địa bàn bản Lụ xã Xuân Hòa, có tình lộ 160 chạy qua, cách trung tâm xã Bảo Yên 18 km về phía Đông Bắc. Đến ngày 01/7/2025 sau khi thực hiện mô hình Chính quyền địa phương hai cấp, trường được bàn giao về cho UBND xã Xuân Hòa quản lý theo Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bảo Yên (cũ) về việc chuyển giao trường học. Trường được xây dựng trên diện tích 18.680,8 m², gồm 01 nhà 3 tầng 4 phòng học bộ môn; 01 thư viện và 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Y tế và tư vấn học đường; 04 dãy nhà 2 tầng với 21 phòng học và 4 phòng học bộ môn, 01 dãy nhà cấp 4 với 02 phòng: 01 phòng bộ môn âm nhạc và 01 phòng thiết bị giáo dục, 02 khu vực nhà ở cho học sinh bán trú và hệ thống các công trình phụ trợ khác. Kể từ khi thành lập đến nay, nhất là sau khi sáp nhập thực hiện mô hình Chính quyền địa phương hai cấp nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, UBND xã, của Phòng VH-XH, các ban ngành trong xã và đặc biệt là đoàn kết đồng lòng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, sự đồng thuận ủng hộ nhiệt tình của cha mẹ học sinh, do đó nhà trường đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt hoạt động. Trong nhiều năm liên tục nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, được Chủ tịch UBND huyện Bảo Yên tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm học 2024-2025.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư khá đầy đủ, nhà trường có đủ phòng học; khối phòng hành chính quản trị, khối phòng phục vụ học tập đáp ứng các yêu cầu hoạt động của nhà trường; thiết bị thực hành đủ cho các bộ môn; về đội ngũ đảm bảo về số lượng và cơ cấu bộ môn đáp ứng cho việc thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Công tác quản lý ngày càng khoa học, hiệu quả, hoạt động các tổ chức đoàn thể trong nhà trường ngày càng đi vào nề nếp, góp phần thúc đẩy công tác thi đua dạy tốt, học tốt; xây dựng khối đoàn kết, ổn định đội ngũ CBQL, GV, NV Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng có sự chuyển biến tích cực, tỷ lệ HS giỏi các cấp luôn đạt và vượt kế hoạch đề ra, tỉ lệ HS tốt nghiệp THCS đạt

100%. Số HS thi đỗ THPT ngày càng tăng, nhu cầu học tập của HS ngày càng được đáp ứng tốt hơn.

Về cơ cấu tổ chức nhân sự, trường có Chi bộ Đảng độc lập, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, có 04 tổ chuyên môn (tổ tự nhiên và tổ xã hội; Tổ khối 1+2+3; tổ khối 4+5), 01 tổ văn phòng, 01 tổ quản lí học sinh bán trú. Tổng số CBQL, GV, NV là 44 (43 người trong biên chế, 01 người hợp đồng 111, trong đó CBQL: 03, GV: 37, NV: 04 (01 văn thư, 01 bảo vệ; 01 y tế; 01 thư viện). Nhà trường có 22 lớp (từ khối 1 đến khối 9) với tổng số 677 HS.

Về mặt tổ chức quản lý, cơ cấu tổ chức của nhà trường gọn, phù hợp với thực tế. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường được cơ quan chủ quản phê duyệt phù hợp với chức năng nhiệm vụ và điều kiện của trường. Cán bộ, giáo viên trong nhà trường đã và đang tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, phấn đấu trở thành tấm gương đạo đức, tự học, sáng tạo cho học sinh noi theo.

Chất lượng và hiệu quả dạy học của nhà trường luôn ổn định. Đa số giáo viên của nhà trường đều có năng lực chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề và luôn tận tụy với công việc, nhiều cán bộ giáo viên là cốt cán cấp tỉnh. Học sinh của nhà trường chăm ngoan, lễ phép, học giỏi và luôn thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh. Trong nhiều năm học gần đây, nhà trường đều có đội tuyển tham gia thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và đạt giải. Với những thành tích đã đạt được, tập thể sư phạm nhà trường quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục của ngành Giáo dục tỉnh Lào Cai và của chính quyền địa phương xã Xuân Hòa giao.

Năm học 2024 - 2025, trường TH&THCS Xuân Hòa thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT về việc Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và được kiểm tra công nhận đạt KĐCLGD cấp độ 2; đạt trường Chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 01/2025.

4. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Hán Văn Học

Chức vụ: Hiệu trưởng trường TH&THCS Xuân Hòa – Xã Xuân Hòa - Tỉnh Lào Cai

Số điện thoại: 0858765396

Địa chỉ thư điện tử: hocanhtoan@gmail.com

5. Tổ chức bộ máy

- Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND huyện Bảo Yên về việc thành lập trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Hòa; Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bảo Yên (cũ) về việc chuyển giao trường học.

- Quyết định công nhận hội đồng trường: theo Quyết định số 155/QĐ-PGD&ĐT ngày 12/9/2018 về việc kiện toàn Hội đồng trường tại các trường mầm non, phổ thông huyện Bảo Yên nhiệm kỳ 2017 - 2022 gồm có 09 thành viên, các thành viên trong Hội đồng trường đảm bảo theo Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm: đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo nhà trường, đại diện Công đoàn, Tổng phụ trách Đội, đại diện các tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng. Năm học 2020 - 2021, Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định 3168/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Bảo Yên về việc thành lập Hội đồng trường phổ thông công lập nhiệm kỳ 2020-2025 theo Điều 10, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, hội đồng trường có 09 thành viên gồm: Bí thư chi bộ; Chủ tịch Công đoàn; Tổng phụ trách Đội; đại diện tổ Chuyên môn; 01 đại diện tổ Văn phòng; 01 giáo viên; 01 phó Chủ tịch UBND xã Xuân Hòa; trưởng Ban đại diện cha mẹ HS và 01 HS. Năm học 2024 - 2025, Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định 2041/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện Bảo Yên về việc kiện toàn Hội đồng trường phổ thông công lập nhiệm kỳ 2020-2025 theo Điều 10, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, hội đồng trường có 15 thành viên gồm: Bí thư chi bộ; Chủ tịch Công đoàn; Tổng phụ trách Đội; đại diện tổ Chuyên môn; 01 đại diện tổ Văn phòng; 01 giáo viên; 01 phó Chủ tịch UBND xã Xuân Hòa; trưởng Ban đại diện cha mẹ HS và 01 HS. Danh sách Hội đồng trường:

1	Hán Văn Học	23-7-1077	Nam	Tày	Hiệu trưởng	ĐHSP Tiếng Anh
2	Nguyễn Thu Thủy	28-9-1978	Nữ	Kinh	Giáo viên	ĐHSP Tiếng anh
3	Hoàng Văn Nhâm	18-08-1985	Nam	Tày	PCT UBND xã	ĐH cử nhân Luật
4	Nguyễn Sơn Thùy	30-10-1986	Nữ	Tày	PHT	ĐHSP Văn
5	Phạm Thị Hương	28-04-1973	Nữ	Kinh	Phó Hiệu trưởng	ĐHSP TH
6	Cam Văn Điệp	22-02-1985	Nam	Tày	TPT Đội	ĐHSP Âm nhạc
7	Nguyễn Văn Mười	19-05-1982	Nam	Kinh	TTCM Tự nhiên	ĐHSP Toán

	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	44	0	0	38	3	1	2	21	22	0	18	25	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	37	0	0	35	2	0	0	21	16	0	16	21	0	0
1	Thể dục	3			3				1	2					
2	Âm nhạc	1			1				1						
3	Mỹ thuật	2			1				1	1					
4	Tin học	1			1				1						
5	Tiếng Anh	3			3				2	1					
6	Ngữ Văn	2			2				1	1					
7	Lịch sử	0			0				0	0					
8	Địa lý	0			0					0					
9	Toán học	3			3				1	2					
10	Vật lý	0			0				0						
11	Hóa học	1			1				1						
12	Sinh học	1			1					1					
13	GDCD	0			0				0	0					
14	Công nghệ	0			0				0						
15	GV dạy TH	20			18	2			12	8					
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Bảo vệ	1						1							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-

1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố	2	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	9	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	30,8	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	18.680,8	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	54	
3	Diện tích thư viện (m ²)	54	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8+9	1	
1.4	Khối TH (lớp 1 đến lớp 5)	1 bộ/ khối	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8+9	0	
2.4	Khối TH	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	Vườn thuốc nam	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	34	1 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/trường
1	Ti vi	26	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa/loa	0	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Thiết bị khác...	0	
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/trường
1	Ti vi	23	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa/loa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Thiết bị khác...(Loa)	03	
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	1

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	14	200	4m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá của nhà trường: Năm 2025 công nhận Đạt cấp độ 2. Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm từng bước nâng cao chất lượng.

- Chuẩn Quốc Gia: Năm 2025 công nhận mức độ I.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Chất lượng giáo dục năm học 2024-2025:

- Tổng số học sinh được đánh giá: 739, chia ra:

+ **Chất lượng học sinh cấp Tiểu học**

- **Cấp Tiểu học 421 HS**

Khối lớp	TSHS	Phẩm chất, năng lực			Học tập		
		Tốt	Đạt	CCG	XS	Tốt	Đạt

1	80	32	46	2	15	17	46	2
2	89	35	53	1	19	16	53	1
3	84	34	48	2	16	18	47	2
4	87	38	48	1	16	22	48	1
5	81	29	52	0	1	19	61	0
Cộng	421	168 = 39.9%	247 = 58.7%	6 = 1,4 %	67 = 15.9%	92 = 21.9%	255 = 60,6%	6 = 1,4%
Tăng/giảm so với KH		+20%	-17,6%	-2,4%	-4%	+1,1%	+1,4%	+1,4%

+ Chất lượng HS cấp THCS

- Cấp THCS: 318 HS

Lớp	TSHS	Rèn luyện				Học tập			
		Tốt	Khá	Đạt	CD	Tốt	Khá	Đạt	CD
6	80	70	09	1	0	5	26	49	0
7	82	45	32	5	0	4	35	43	0
8	80	57	14	9	0	3	34	43	0
9	76	46	24	6	0	3	26	47	0
Cộng	318	218 = 68,6%	79 = 24,8%	21 = 6,6%	0	15 = 4,7%	121= 38,1%	182 = 57,2%	0
Tăng/giảm so với KH		+1,7%	-3,5%	+2,9%	-0,9%	-0,2%	+5,7%	-5,1%	- 0,3%

2. Chất lượng chương trình GDPT 2018 (2024 – 2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp								
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
III	Kết quả cuối năm	739	80	89	84	87	81	80	82	80	76
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	733	78	88	82	86	81	80	82	80	76
a	Học sinh giỏi (HTT) (tỷ lệ so với tổng số)	82	67				15				
b	Học sinh tiên tiến (HT khá) (tỷ lệ so với tổng số)	213	92				121				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	6	2	1	2	1					
3	Lưu ban	6	2	1	2	1	0	0	0	0	0

